

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/8/2021		•	
Tuần 23/8-27/8/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đà điều chỉnh tiếp tục khiến VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1320 điểm. Dòng tiền đầu tư thoát khỏi thị trường khi 17/19 nhóm ngành đều giảm điểm. Dòng tiền co cụm vào các nhóm ngành ít chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 như Chứng khoán và Y tế. Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực với thanh khoản thị trường trở về mức bình thường, cho thấy hoạt động bán tháo đang dần suy giảm Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên sàn HSX và mua ròng tại HNX. Với phiên điều chỉnh hôm nay, thị trường có thể trở về vùng 1280-1300 điểm trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các hợp đồng đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: NRC_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index -30.57 điểm, đóng cửa 1298.86 HNX-Index -3.22 điểm, đóng cửa 334.84 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: NVL (+0.48); SSI (+0.16); DCM (+0.12); HPX (+0.12); FTS (+0.12)
- Kéo chỉ số giảm: VCB (-2.79); GVR (-2.31); MSN (-2.16); HPG (-1.80); TCB (-1.65).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 24,792 tỷ đồng, -32.6% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 25,818 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 30.57 điểm. Thị trường có 101 mã tăng, 32 mã tham chiếu và 282 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -381.67 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFVND (-227.1 tỷ), HPG (-85.2 tỷ) và MSN (-78.7 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 20.47 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1298.86
Giá trị: 24792.71 tỷ -30.57 (-2.3%)
Khối ngoại (ròng): -381.76 tỷ

HNX-INDEX 334.84
Giá trị: 4573.92 tỷ -3.22 (-0.95%)
Khối ngoại (ròng): 20.47 tỷ

UPCOM-INDEX 91.46
Giá trị: 1900.7 tỷ -1.24 (-1.34%)
Khối ngoại(ròng): 17.71 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	63.8	2.66%
Giá vàng	1,787	0.31%
Tỷ giá USD/VND	22,830	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,776	0.31%
Tỷ giá JPY/VND	20,779	0.00%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	3.79%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	74.6	FUEVFVNI	227.1
SSI	68.2	HPG	85.2
CTG	59.7	MSN	78.7
NLG	26.8	NVL	53.1
VNM	23.3	VIC	48.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
NRC_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: NRC vừa đang hình thành xu hướng tăng giá từ ngưỡng 17.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu Đường giá cổ phiếu đã vượt lên MA20, MA50 và dải mây ichimoku; báo hiệu xu hướng tăng giá tích cực. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 19.5, chốt lãi tại ngưỡng 24.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 17.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

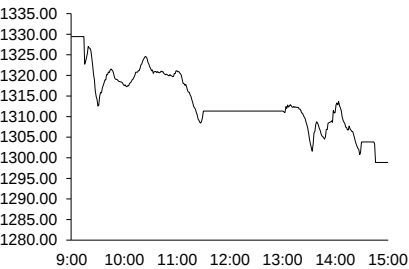
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	1.84%
Y tế	0.07%
Viễn thông	0.00%
Truyền thông	-0.07%
Du lịch và Giải trí	-0.58%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.19%
Bất động sản	-1.21%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.46%
Công nghệ Thông tin	-1.46%
Xây dựng và Vật liệu	-2.19%
Bán lẻ	-2.34%
Ngân hàng	-2.38%
Tài nguyên Cơ bản	-2.63%
Thực phẩm và đồ uống	-2.68%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.73%
Bảo hiểm	-2.74%
Hóa chất	-2.80%
Dầu khí	-2.92%
Ô tô và phụ tùng	-3.78%

Hình 1

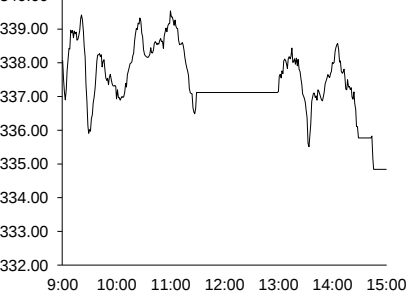
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

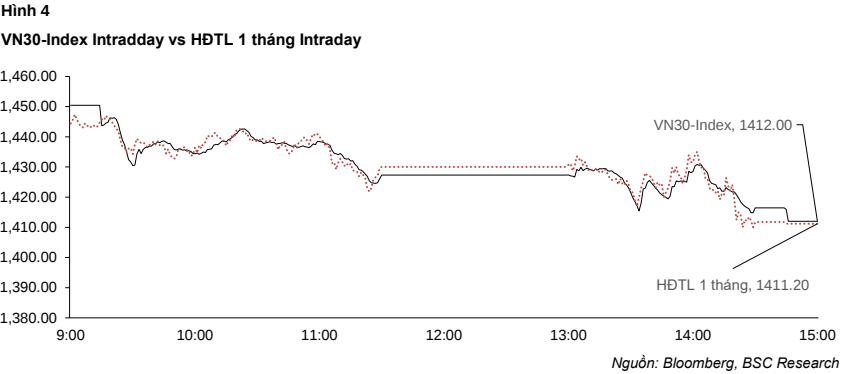
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
20/8/21	NT2	19.4	22	19	19.3	3	-0.52%	Có thể tiếp tục mua
19/8/21	SCI	34.4	45	30	37.5	4	9.01%	Có thể tiếp tục mua
18/8/21	HAX	23.1	27	21	22.15	5	-4.11%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	15.25	6	-4.09%	Có thể tiếp tục mua
13/8/21	DBC	58	65.5	56.5	58	10	0.00%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	13.05	11	-2.25%	Có thể tiếp tục mua
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	31.2	18	-5.74%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/7/21	CTG	33.9	40	32	32.7	25	-3.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	22.6	26	-4.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
14/7/21	ACV	75	84	72	76	40	1.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
13/7/21	KBC	32.5	40	30	36	41	10.77%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
16/8/21	FRT	42	54	38.5	SL	7	-8.33%
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	SL	9	-6.73%
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	SL	13	-10.71%
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	TP	7	17.21%
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	TP	14	20.69%
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	SL	16	-4.40%
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	TP	14	20.40%
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	TP	14	22.17%
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	TP	22	15.38%
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	TP	11	11.31%
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	TP	22	20.98%
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	TP	23	10.74%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	7	5.28%	-3.50%	-0.31%	17
Cổ phiếu đã chốt	179	113	13.97%	-7.86%	5.52%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2109	1411.20	-2.34%	-0.80	22.0%	355,198	9/16/2021	26
VN30F2110	1409.00	-2.76%	-3.00	-18.3%	405	10/21/2021	61
VN30F2112	1407.50	-2.92%	-4.50	-43.6%	189	12/16/2021	117
VN30F2203	1407.20	-3.27%	-4.80	5.4%	137	3/17/2022	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tiếp tục giảm mạnh –38.45 điểm xuống 1412.00 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HPG, ACB, VPB, MSN tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giảm tiêu cực xuống gần 1410 điểm. VN30 có thể tiếp tục điều chỉnh giảm trong những phiên tiếp theo.
- Các hợp đồng đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2110 các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2104	3/22/2022	211	10:1	119,200	34.93%	2,400	6,060	0.17%	3,221	1.88	159,000	135,000	158,100
CNVL2102	9/27/2021	35	16:1	400,200	35.91%	1,100	1,570	-1.26%	12	129.11	107,608	94,636	104,900
CMBB2103	1/7/2022	137	1.48:1	199,000	39.74%	3,000	3,040	-1.94%	690	4.40	53,000	47,000	28,600
CHPG2109	1/10/2022	140	1:1	56,500	38.43%	4,000	7,830	-4.16%	2,233	3.51	59,000	55,000	47,500
CVNM2107	1/7/2022	137	10:1	263,500	26.22%	1,500	1,520	-6.17%	208	7.32	113,000	98,000	86,000
CFPT2103	1/7/2022	137	5:1	168,800	32.64%	3,000	3,210	-7.49%	892	3.60	115,000	100,000	91,000
CSTB2105	1/10/2022	140	1:1	41,100	46.70%	4,000	6,100	-8.13%	2,162	2.82	34,000	30,000	27,000
CVNM2106	1/13/2022	143	5:1	59,900	26.22%	4,000	2,510	-8.73%	358	7.01	120,000	100,000	86,000
CTCB2101	10/5/2021	43	1:1	78,500	41.17%	5,000	20,000	-9.09%	17,924	1.12	36,000	31,000	48,750
CVIC2104	1/7/2022	137	10:1	390,700	33.63%	2,000	1,790	-10.50%	139	12.85	144,000	124,000	96,200
CVPB2104	8/27/2021	4	3:1	165,800	40.38%	2,500	3,700	-11.90%	3,875	0.95	56,500	49,000	60,600
CVNM2105	9/27/2021	35	20:1	425,100	26.22%	1,100	280	-12.50%	-		139,661	117,931	86,000
CMWG2106	1/7/2022	137	10:1	282,400	34.93%	3,000	2,510	-16.05%	681	3.69	210,000	180,000	158,100
CPNJ2104	1/7/2022	137	8:1	334,100	31.02%	2,400	1,180	-18.06%	191	6.17	129,200	110,000	88,500
CPDR2102	9/27/2021	35	5:1	413,400	36.56%	1,100	1,410	-18.50%	294	4.79	94,499	88,999	82,200
CSTB2104	8/27/2021	4	1:1	480,700	46.70%	4,000	4,800	-18.64%	4,112	1.17	26,900	22,900	27,000
CHPG2106	8/27/2021	4	2:1	156,600	38.43%	4,100	7,220	-18.88%	39	184.23	42,937	36,908	47,500
CMWG2105	8/27/2021	4	8:1	292,700	34.93%	2,950	3,200	-21.18%	3,334	0.96	155,100	131,500	158,100
CVNM2104	9/13/2021	21	10:1	126,500	26.22%	1,480	250	-37.50%	0	609.76	116,352	101,734	86,000
CTCB2104	8/27/2021	4	2:1	150,000	41.17%	2,000	1,700	-43.52%	1,520	1.12	49,800	45,800	48,750
Tổng				4,485,500	35.34%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CTCB2104 và CMWG2105 giảm mạnh lần lượt là -43.52% và -21.18%. Giá trị giao dịch giảm -13.30%. CSTB2104 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.19% thị trường.
- CVPB2104, CMWG2105, CTCB2101, CTCB2104, và CSTB2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CNVL2101, và CSTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2104, và CVPB2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	158.1	-3.6%	0.9	3,267	11.3	9,642	16.4	4.1	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	88.5	-3.3%	1.0	875	3.3	5,812	15.2	3.5	49.0%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	52.0	-2.6%	1.4	1,678	2.7	2,429	21.4	1.9	26.9%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	40.3	-4.0%	0.5	392	0.1	3,491	11.5	1.2	53.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	96.2	-1.5%	0.7	15,916	9.1	1,688	57.0	4.1	14.9%	7.4%
VRE	Bất động sản	26.1	-3.7%	1.1	2,574	6.1	1,195	21.8	1.9	29.8%	9.3%
VHM	Bất động sản	107.2	-0.8%	1.0	15,612	75.2	9,941	10.8	3.7	23.6%	39.9%
DXG	Bất động sản	21.0	-4.8%	1.3	472	7.8	1,586		1.3	28.6%	11.0%
SSI	Chứng khoán	63.4	1.4%	1.5	1,805	39.3	2,817	22.5	3.7	48.3%	16.5%
VCI	Chứng khoán	62.2	0.2%	1.0	901	18.2	4,384	14.2	3.9	20.1%	25.4%
HCM	Chứng khoán	57.1	0.2%	1.6	757	18.7	2,899	19.7	3.6	48.4%	19.4%
FPT	Công nghệ	91.0	-1.9%	0.9	3,590	13.7	4,234	21.5	4.9	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	82.0	-2.4%	0.4	1,171	0.1	4,304	19.1	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	85.8	-1.9%	1.3	7,140	4.4	4,077	21.0	3.5	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	48.5	-2.2%	1.5	2,623	3.8	3,090	15.7	2.5	17.8%	17.4%
PVS	Dầu khí	23.5	-6.0%	1.7	488	18.5	1,160	20.3	0.9	7.6%	4.5%
BSR	Dầu khí	17.1	-3.9%	0.8	2,305	11.3	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.1	-0.5%	0.4	541	0.1	5,761	16.5	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	37.2	2.9%	0.8	633	10.7	2,903	12.8	1.7	11.8%	13.6%
DCM	Hóa chất	24.5	3.6%	0.7	564	8.2	1,148	21.3	2.1	2.1%	9.6%
VCB	Ngân hàng	97.3	-2.8%	1.1	15,690	9.1	5,534	17.6	3.4	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.3	-3.0%	1.3	6,872	4.8	2,464	15.9	1.9	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.7	0.0%	1.3	6,833	28.2	3,417	9.6	1.7	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	60.6	-3.0%	1.2	6,507	24.5	5,052	12.0	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.6	-4.3%	1.2	4,698	27.8	2,764	10.3	2.0	22.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.0	-4.8%	1.0	3,759	22.2	3,589	8.9	2.1	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.5	-3.3%	0.7	190	0.6	4,762	11.2	1.9	83.9%	16.4%
NTP	Nhựa	50.7	0.4%	0.4	260	0.1	4,085	12.4	2.2	18.9%	18.3%
MSR	Tài nguyên	19.5	-4.9%	0.7	932	0.7	39	500.0	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.5	-3.1%	1.1	9,238	68.8	5,616	8.5	2.9	26.5%	39.8%
HSG	Thép	37.5	-3.2%	1.4	797	18.0	7,745	4.8	1.9	10.8%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	86.0	-2.1%	0.6	7,815	16.4	4,572	18.8	5.7	54.9%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	140.0	-2.1%	0.8	3,903	1.8	7,293	19.2	4.3	62.6%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	127.0	-5.1%	0.9	6,519	9.7	1,787	71.1	7.0	33.4%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.0	-3.2%	1.2	563	4.9	1,070	19.6	1.7	8.8%	8.5%
ACV	Vận tải	76.0	-2.3%	0.8	7,193	0.4	577	131.7	4.4	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	120.3	0.4%	1.1	2,833	8.1	290		3.8	18.3%	1.0%
HVN	Vận tải	20.6	-1.4%	1.7	1,982	0.5	(7,377)		25.6	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	47.3	-0.1%	1.0	620	7.6	1,357	34.9	2.3	42.0%	6.7%
PVT	Vận tải	20.0	-6.3%	1.4	281	7.5	2,340	8.5	1.4	14.5%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	118.6	-3.6%	0.9	825	2.1	9,519	12.5	4.5	3.9%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.0	-2.8%	0.4	681	9.5	2,098	16.7	2.4	5.4%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	19.2	-1.8%	0.9	318	1.8	1,653	11.6	1.3	3.0%	11.3%
CTD	Xây dựng	65.0	-2.7%	1.0	209	1.5	2,005	32.4	0.6	43.8%	1.8%
CII	Xây dựng	17.6	-0.8%	0.6	182	2.1	69	254.0	0.9	22.4%	0.3%
REE	Điện	58.0	-5.4%	-1.4	779	6.3	5,807	10.0	1.5	49.0%	15.8%
PC1	Điện	29.0	-4.8%	-0.4	241	3.9	2,414	12.0	1.3	8.3%	12.9%
POW	Điện	10.6	-3.2%	0.6	1,074	4.0	1,090	9.7	0.8	3.0%	8.8%
NT2	Điện	19.3	-0.5%	0.5	242	0.5	1,093	17.7	1.3	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	36.0	-1.6%	1.1	735	15.7	1,794	20.1	1.6	18.7%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	45.0	-1%	1.0	2,023	0.1			3.0	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	104.90	1.16	0.48	3.38MLN
SSI	63.40	1.44	0.16	14.27MLN
DCM	24.50	3.59	0.12	7.39MLN
HPX	36.00	4.96	0.12	405900
FTS	56.10	5.65	0.12	1.41MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MWG	0.00	-4.29	1.62MLN	1.11MLN
TCB	0.00	-1.10	26.00MLN	607060
VHM	0.00	-0.97	15.96MLN	373600
PET	-0.01	-0.90	6.07MLN	192700
VOS	-0.01	-0.84	3.13MLN	611640

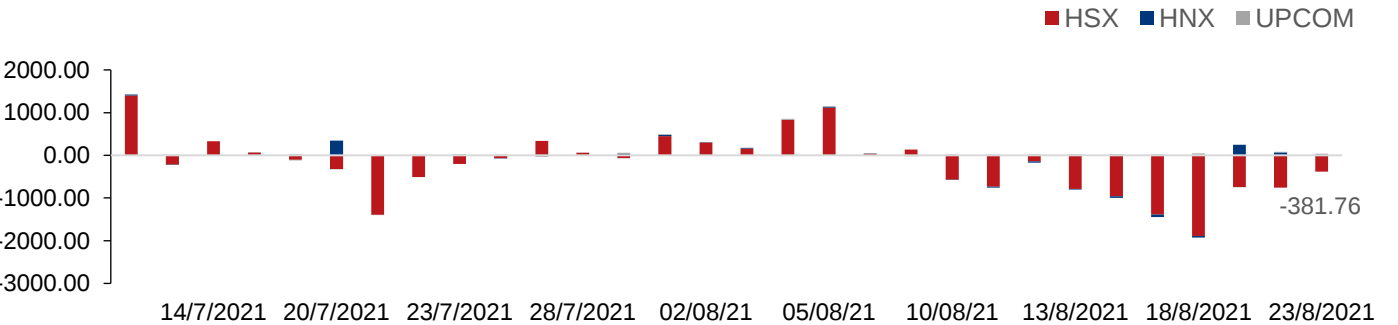
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTN	44.40	6.99	0.04	820400.00
TVS	33.70	6.98	0.06	275100
CMG	49.10	6.97	0.09	384500
VMD	51.50	6.96	0.01	16700
TMT	10.15	6.95	0.01	128800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LHG	45.10	-10.34	-0.07	507400
CEE	13.30	-6.99	-0.01	2600
IJC	25.95	-6.99	-0.11	9.15MLN
VIB	36.00	-6.98	-1.13	4.83MLN
HMC	25.50	-6.93	-0.01	472900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.0	3,589	8.9	2.1	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	76.0	577	131.7	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	28.6	1,686	17.0	1.5	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.2	600	18.7	1.0	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.5	-411		0.8	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	40.3	3,949	10.2	1.7	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.7	3,417	9.6	1.7	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	24.5	1147.9	21.3	2.1	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	109.1	5,868	18.6	4.2	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	169.0	9,205	18.4	5.4	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	35.3	4,873	7.2	1.9	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	37.2	2,903	12.8	1.7	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.2	2,868	10.9	2.2	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	21.0	1,586		1.3	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	19.2	641	29.9	1.1	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	91.0	4,234	21.5	4.9	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	32.0	3,617	8.8	2.5	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	34.2	1,201	28.5	2.8	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.5	5,616	8.5	2.9	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	37.5	7,745	4.8	1.9	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	19.2	1,653	11.6	1.3	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.6	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	38.0	1,966	19.3	2.7	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	45.1	6,758	6.7	1.6	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	22.6			1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	77.3	6,544	11.8	2.7	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	158.1	9,642	16.4	4.1	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	40.8	3,926	10.4	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	29.0	2,414	12.0	1.3	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	34.5	2,380	14.5	2.1	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	88.5	5,812	15.2	3.5	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.6	1,090	9.7	0.8	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	17.2	0	626.8	0.5	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.5	1,160	20.3	0.9	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.0	1,070	19.6	1.7	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.0	1,064	32.9	3.6	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	43.3	15635.6	2.8	1.2	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	48.8	4,613	10.6	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.3	5,534	17.6	3.4	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	18.6	570	32.6	1.5	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	42.6	4,035	10.5	1.4	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	107.2	9,941	10.8	3.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.6	5,052	12.0	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	26.1	1,195	21.8	1.9	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	79.3	3,256	24.4	6.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639